

BÁO CÁO

**Thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 6 (giữa năm 2022),
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X**

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 129/HĐND ngày 29/04/2022 và Công văn số 151/HĐND ngày 18/5/2022 về việc thẩm tra dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 6 (giữa năm 2022) của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X.

Sau khi xem xét hồ sơ, nghiên cứu nội dung các dự thảo nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban kinh tế - ngân sách đã tổ chức làm việc trực tiếp với các đơn vị soạn thảo và tiến hành công tác thẩm tra theo quy định. Ngày 17/6/2022, Ban đã họp toàn thể các thành viên cùng với các đơn vị soạn thảo để thông qua các nội dung báo cáo thẩm tra của Ban trình tại kỳ họp. Sau đây, Ban kinh tế - ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến thẩm tra các dự thảo nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Dự thảo nghị quyết kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 về kế hoạch và điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, ngày 28/5/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 652/QĐ-TTg về việc giao vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó đã bố trí cho tỉnh số vốn là 1.332 tỷ 621 triệu đồng. Đồng thời, thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công đảm bảo đồng nhất với kế hoạch tài chính 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh và rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh nghị quyết kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết và đúng với thẩm quyền.

b) Về dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 41.500 tỷ 074 triệu đồng (giảm 3.405 tỷ 322 triệu đồng so với Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 và Nghị quyết số

31/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh), trong đó: vốn ngân sách trung ương là 6.364 tỷ 565 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương là 35.135 tỷ 509 triệu đồng. Thống nhất với nội dung điều chỉnh tăng nguồn ngân sách trung ương để phân bổ thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia với số vốn là 1.332 tỷ 621 triệu đồng; phương án điều chỉnh giảm nguồn vốn ngân sách địa phương 4.737 tỷ 953 triệu đồng.

Dự thảo nghị quyết: đảm bảo nội dung, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

2. Dự thảo nghị quyết thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X đã thông qua Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 về kế hoạch và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết đã phát sinh một số nội dung như: Trung ương giao 284 tỷ 116 triệu đồng để thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; cần bố trí nguồn để điều hòa nguồn giảm thu tiền sử dụng đất khối tỉnh năm 2021,...

Do đó, việc trình HĐND tỉnh nghị quyết thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022 là 7.481 tỷ 382 triệu đồng, tăng 126 tỷ 246 triệu đồng so với Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

3. Dự thảo nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Nội dung quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư và dự án hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 về điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, thực hiện Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 6222/BKHĐT-TH ngày 16/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cần phải điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của dự án để điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và thời gian thực hiện của dự án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019: “*Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình*”.

Do đó, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình. Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

4. Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Ngày 31/3/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND quy định chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, qua nội dung rà soát và ý kiến trao đổi của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp còn một số nội dung chưa đảm bảo. Đồng thời, ngày 28/5/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế vì vậy một số nội dung của nghị quyết sẽ không còn phù hợp khi Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/7/2022.

Do đó, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và có ý kiến như sau:

- Điều chỉnh nội dung tại khoản 1, Điều 1 thành:

1. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Ngành nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư

1. Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. *Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.*”;

- Đối với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1: đề nghị bổ sung cụm từ “quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước” sau cụm từ “Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ”. Đồng thời, quy định rõ nội dung “và Thông tư hướng dẫn thi hành” là Thông tư nào?;

- Khoản 3, Điều 1, đề nghị điều chỉnh thành:

3. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất

Tùy theo ngành nghề và địa bàn đầu tư, nhà đầu tư được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”

- Khoản 4, Điều 1, đề nghị điều chỉnh thành:

4. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thuế suất ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Tùy theo địa bàn đầu tư, nhà đầu tư được áp dụng thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật”.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh các nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

5. Dự thảo Nghị quyết ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Căn cứ điểm b khoản 3 điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *“Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện”.*

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

Qua thẩm tra, Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung trình của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xây dựng trên cơ sở thực tiễn thực hiện nhiệm vụ đặc thù của

từng ngành, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Đối với phụ lục 1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Đề nghị cho biết căn cứ pháp lý và sự cần thiết xây dựng nội dung quy định tại số thứ tự số 3 của phụ lục. Vì theo danh mục dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ không quy định các nội dung này;

- Đối với phụ lục 2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp y tế - dân số: Tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ không quy định nội dung “Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho một số đối tượng có nguy cơ theo quy định của Bộ Y tế; các dịch vụ sàng lọc, chuẩn đoán trước khi sinh và sơ sinh”. Đề nghị cho biết căn cứ pháp lý để xây dựng 02 nội dung này;

- Đối với phụ lục 3. Danh mục dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch: đề nghị rà soát và sửa đổi toàn bộ nội dung của phụ lục đảm bảo phù hợp với danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đối với phụ lục 4. Danh mục dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp thông tin và truyền thông: cần cân nhắc việc ban hành nội dung danh mục này vì hiện nay Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến sửa đổi Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Đối với nội dung phụ lục 5: đề nghị rà soát tên, nội dung của toàn bộ danh mục dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo phù hợp với quy định tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương;

- Đề nghị cho biết căn cứ để xây dựng nội dung tại phụ lục 7; đồng thời, rà soát tình hình thực tế của địa phương để đề xuất bổ sung nội dung của danh mục;

- Đối với quy định tại phụ lục 10: nội dung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ không quy định về “dịch vụ bảo quản tài liệu; dịch vụ tổ chức tài liệu lưu trữ; dịch vụ về tổ chức sử dụng tài liệu”. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phân tích và làm rõ căn cứ pháp lý để xây dựng các nội dung quy định tại phụ lục.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải trình và điều chỉnh các nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

6. Dự thảo nghị quyết bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư*”. Trên cơ sở nhu cầu thực tiễn của người dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nghị quyết về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019; Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 05/07/2021, Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021). Thời gian qua, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận thêm một số hồ sơ của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Do đó, để đảm bảo thực hiện đúng thời gian các quy trình, thủ tục hành chính trong chuyển mục đích sử dụng đất rừng cho người dân theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ thì việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với các chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo nội dung tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hồ sơ của các dự án chuyển đổi mục đích rừng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành thẩm định theo Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ. Tuy nhiên, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Điều chỉnh tên nghị quyết thành: “**phê duyệt chủ trương chuyển mục đích rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022**”. Vì Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh đối với 14 dự án, do đó, việc xây dựng tên gọi của nghị quyết là bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh là chưa chính xác;

- Điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của nghị quyết là “Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022 đối với ... dự án, với tổng diện tích ... ha (rừng sản xuất).

- Đối với 05 dự án chưa có trong chỉ tiêu chuyển đổi đất lâm nghiệp (xây dựng đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với tuyến ĐT755 nối ĐT753; xây dựng đường kết nối ĐT753B với đường Đồng Phú - Bình Dương; xây dựng đường giao thông phía tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành – Hoa Lư; dự án trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH chăn nuôi Nhất Quyết; dự án trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH chăn nuôi Lộc Thành, Lộc Ninh), đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cân nhắc và thực hiện các trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định;

- Đề nghị nội dung báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các dự án cần thể hiện rõ hơn về mức độ tác động đến môi trường của các dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công, nhất là đánh giá tác động đến môi trường của các dự án chăn nuôi heo.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải trình và điều chỉnh các nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

7. Dự thảo nghị quyết quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “*Căn cứ tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo và điều kiện thực tế của từng tỉnh, UBND các tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn trình HĐND cùng cấp quyết định*”. Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung trình của UBND tỉnh và có một số ý kiến như sau:

- Theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng chính phủ thì UBND tỉnh phải xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ phân bổ và lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục

tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tuy nhiên, nội dung dự thảo nghị quyết chưa thể hiện được các nội dung nêu trên;

- Đối với nội dung quy định tại khoản 2, Điều 1: đề nghị làm rõ nội dung “*hỗ trợ thêm một phần bằng tiền*”, “*hỗ trợ một phần ngân sách nhà nước cho các xã... và cho các huyện*” là mức hỗ trợ bao nhiêu?; “*phần còn lại*” là mức tiền bao nhiêu. Cần quy định cụ thể về tỷ lệ % các mức hỗ trợ hoặc số tiền hỗ trợ cụ thể;

- Xem xét việc quy định về đối tượng áp dụng tại điểm b, khoản 1 và nội dung phạm vi áp dụng tại điểm a khoản 2 Điều 1 của nghị quyết để tránh trùng lặp về nội dung giữa các điểm trong nghị quyết;

- Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 1, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh như sau:

+ Bỏ nội dung “*Hàng năm, ngoài nguồn vốn Trung ương hỗ trợ: ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách cấp xã dành một phần vốn từ các nguồn thu sau đây để hỗ trợ Chương trình xây dựng nông thôn mới:*” vì nội dung chưa đồng nhất với các điểm quy định tại mục này;

+ Bỏ cụm từ “*đa dạng hóa các nguồn vốn*” và nội dung quy định tại khoản 2, Điều 2 của nghị quyết.

- Tại phần II, phụ lục ban hành kèm theo nghị quyết:

+ Đề nghị xem xét lại việc quy định tổng mức hỗ trợ của một số nội dung là 100% vì nội dung của mục này là “*hỗ trợ một phần ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung*”;

+ Điều chỉnh các nội dung tại mục 1 của Phụ lục đảm bảo phù hợp theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: “**Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách cho các xã đặc biệt khó khăn, thôn ấp đặc biệt khó khăn, tổ/xóm đồng bào dân tộc thiểu số**” thành “**Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách cho các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi**”; điều chỉnh nội dung “**Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách cho các khu vực còn lại**” thành “**tổng mức hỗ trợ cho các xã còn lại**”;

+ Nội dung tại mục 2 của Phụ lục, đề nghị điều chỉnh nội dung thành: “**Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới**” vì Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ không quy định về hỗ trợ một phần ngân sách để thực hiện một số nội dung của huyện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải trình, điều chỉnh và bổ sung các nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

8. Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định: "*Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện*".

Ngày 17/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất đã quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh sai lệch về diện tích, địa điểm và tên của một số dự án so với nội dung danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, do đó, cần phải xem xét và điều chỉnh danh mục dự án.

Từ những căn cứ trên, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021

- Đối với danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh:

+ Đề nghị rà soát lại nội dung căn cứ pháp lý của các dự án có diện tích thu hồi lớn như: khu đất để phát triển kinh tế - xã hội địa phương (huyện Chơn Thành) với diện tích thu hồi là 484 ha, khu trồng cây ứng dụng công nghệ cao (huyện Đồng Phú) với diện tích thu hồi là 520 ha;

+ Rà soát lại nội dung căn cứ pháp lý, sự phù hợp với quy hoạch của danh mục các dự án đường giao thông nông thôn mới trên địa bàn huyện Bù Đốp, huyện Bù Gia Mập;

+ Loại khỏi danh mục đối với 2 dự án có diện tích thu hồi là đất rừng đặc dụng trên địa bàn thị xã Phước Long (dự án nâng cấp đường từ vòng xoay núi Bà Rá lên đồi Bằng Lãng, dự án nâng cấp, sửa chữa đường vòng quanh núi Bà Rá);

+ Xem xét đối với việc xây dựng danh mục thu hồi đất của 2 dự án được thực hiện trên diện tích đất công: dự án công viên khu hành chính tỉnh, dự án xây dựng tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh;

+ Rà soát, bổ sung đầy đủ nguồn vốn thực hiện của tất cả các dự án.

- Về điều chỉnh tên, diện tích của 12 danh mục dự án ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh: Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình.

- Đối với danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì: Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án phải đánh giá được tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn (trong đó cần nêu rõ: tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng và đất rừng phòng hộ được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ; đề xuất chuyển mục đích, ...). Tuy nhiên, Ban kinh tế - ngân sách nhận thấy nội dung Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa đảm bảo theo quy định; đồng thời, hiện nay Chính phủ chưa phê duyệt chỉ tiêu đất lúa trên địa bàn tỉnh. Do đó, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị không thông qua danh mục 15 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn tỉnh với diện tích 148,07 ha.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải trình và điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

9. Dự thảo nghị quyết quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Theo quy định tại khoản 9, 10, 15 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 và khoản 1, Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính thì mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện) thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Do đó, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết về quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh là cần thiết và đúng với thẩm quyền.

b) Về nội dung nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung trình của UBND tỉnh và có một số ý kiến như sau:

- Đề nghị bổ sung các căn cứ pháp lý:

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định;

Căn cứ Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

- Điều chỉnh bố cục nội dung nghị quyết như sau: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng; Điều 3. Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh, như sau:,...

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh và bổ sung các nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

10. Dự thảo nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Khoản 1, Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "*Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định*".

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình. Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách đối với các dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp thứ 6 (giữa năm 2022) của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ban kinh tế - ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

TM. BAN KT-NS HĐND TỈNH
TRƯỞNG BAN



Huỳnh Hữu Thiết